

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Tổ hợp chế biến nông sản Thành Thành Công – Biên Hòa huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015 và Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 593/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND huyện Châu Thành về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Tổ hợp chế biến nông sản Thành Thành Công – Biên Hòa huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh;

Theo Công văn số 614/SXD-QHPTĐT ngày 21/3/2023 của Sở Xây dựng về việc có ý kiến về văn bản thỏa thuận đồ án quy hoạch chi tiết Tổ hợp chế biến nông sản Thành Thành Công – Biên Hòa, huyện Châu Thành;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế Hạ tầng tại Tờ trình số 87/TTr-KTHT ngày 04/4/2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết với các nội dung chính sau:

- Tên dự án: Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Tổ hợp chế biến nông sản Thành Thành Công – Biên Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Biên Hòa – Thành Công.
- Địa điểm quy hoạch: thuộc tổ 4, ấp Nam Bến Sỏi, xã Thành Long, huyện Châu Thành.

1. Phạm vi, ranh giới quy hoạch

Khu vực quy hoạch Tổ hợp chế biến nông sản Thành Thành Công – Biên Hòa thuộc tổ 4, ấp Nam Bến Sỏi, xã Thành Long, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh có quy mô 369.331,3 m² (lấy tròn 36,93 ha). Ranh giới được xác định cụ thể như sau:

- Phía Đông: giáp sông Vàm Cỏ;
- Phía Tây: giáp đường tỉnh lộ 796;
- Phía Nam: giáp rạch Tra Pang Cư và khu dân cư;
- Phía Bắc và Đông Bắc: giáp sông Vàm Cỏ.

2. Tính chất

- Nhà máy sản xuất nước mía và các thức uống từ nông sản.
- Nhà máy sản xuất bao bì.
- Kinh doanh kho bãi.
- Được xây dựng đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và theo công nghệ hiện đại, tiên tiến.

3. Quy mô

- Quy mô đất đai : 369.331,3 m², lấy tròn (36,93 ha).
- Quy mô công suất nhà máy:
 - + Nhà máy sản xuất bao bì với công suất 3.500 tấn/năm, trên diện tích đất 78.095 m²
 - + Kho với quy mô 10.000 m² trên diện tích đất 80.025 m²
 - + Nhà máy sản xuất nước mía và các thức uống từ nông sản với công suất 72.000.000 lít/năm trên diện tích đất 211.211,3 m²
- Quy mô lao động dự kiến: 500 - 600 người.

4. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

a) Tùy theo quy mô, tính chất khu chức năng, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cơ bản đảm bảo theo quy định về quy hoạch xây dựng.

b) Các khu chức năng: Quy hoạch Tổ hợp chế biến nông sản Thành Thành Công – Biên Hòa với các khu chức năng chính như sau:

- Đất khu lưu trú
- Đất hành chính – dịch vụ
- Đất sản xuất: nhà máy sản xuất, kho – xưởng
- Đất các khu kỹ thuật
- Đất cây xanh.
- Đất giao thông, sân, bãi.
- Đất dự trữ phát triển

c) Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chính của đồ án:

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
	Tổng diện tích	ha	36,93
I	Chỉ tiêu về sử dụng đất nhà máy		
1	Đất các khu kỹ thuật	%	≥1

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
2	Đất cây xanh	%	≥20
3	Đất giao thông	%	≥10
II	Chỉ tiêu về mật độ xây dựng tối đa		
1	Đất khu lưu trú	%	60
2	Đất hành chính – dịch vụ	%	40
3	Đất nhà máy – kho xưởng	%	60
4	Đất các khu kỹ thuật	%	40
5	Đất bãi xe	%	40
6	Đất cây xanh	%	5
7	Đất sân bãi	%	10
III	Chỉ tiêu về tầng cao tối đa		
1	Đất khu lưu trú	Tầng	5
2	Đất hành chính – dịch vụ	Tầng	3
3	Đất nhà máy – kho xưởng	Tầng	3
4	Đất các khu kỹ thuật	Tầng	3
5	Đất bãi xe	Tầng	1
6	Đất cây xanh	Tầng	1
7	Đất sân bãi	Tầng	1
IV	Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật		
1	Cấp nước công nghiệp	m ³ /ha/ngày	20-45
2	Thoát nước thải	Q	80% Q cấp
3	Rác thải công nghiệp	tấn/ha	0,3
4	Cấp điện		
-	Cấp điện kho - xưởng	KWh/ha	50
-	Cấp điện chế biến lương thực, thực phẩm	KWh/ha	200
-	Cấp điện công trình dân dụng	W/m ² sàn	20 - 30
-	Thông tin liên lạc	Thuê bao/ha	20-30

Cây xanh cách ly quanh khu công nghiệp, kho tàng và cụm công nghiệp với chiều rộng ≥ 10m.

5. Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất

Bảng cơ cấu quy hoạch sử dụng đất

STT	Hạng mục	Ký hiệu	Quy mô	Tỷ lệ	QCVN 01:2021	Đánh giá
			Ha	%	%	
1	Đất nhà lưu trú	OLT	0,59	1,60		
2	Đất hành chính điều hành	HC	2,87	7,77		
3	Đất nhà xưởng - kho	KX	15,86	42,95		
4	Đất hạ tầng kỹ thuật	HT	1,47	3,98	≥1%	Đạt
5	Đất cây xanh	CX	8,40	22,74	≥20% (Tỷ lệ cây)	Đạt

					<i>xanh tối thiếu trong nhà máy)</i>	
6	Đất sân bãi	BB	0,97	2,63		
7	Đất dự trữ phát triển	DT	2,99	8,10		
8	Đất giao thông		3,78	10,23	≥10%	Đạt
-	Đất bãi xe	BX	0,09	0,24		
-	Đất giao thông nội bộ		3,69	9,99		
	Tổng cộng		36,93	100,00		

Cây xanh cách ly quanh khu công nghiệp, kho tàng và cụm công nghiệp với chiều rộng ≥ 10m.

6. Tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan

- Khu lưu trú bố trí ở phía Tây Bắc, giáp đường số 3, đường số 9. Bố trí chỗ ở cho các chuyên gia, công nhân làm việc trong khu tổ hợp chế biến. Xây dựng khối công trình cao tối đa 5 tầng, tổ chức khuôn viên cảnh quan, khu TDTT trong khu lưu trú phục vụ người ở và làm việc tại khu tổ hợp.

- Khu tổ hợp chế biến nông sản TTC – Biên Hòa xây dựng dựa trên trục dọc chính: đường số 1, đường số 2, đường số 3 và các trục ngang: đường số 4,5,6,7,8,9. Hình thành mạng lưới giao thông vuông góc và song song với ĐT.796. Đồng thời, tổ chức các khu chức năng theo từng lô đất, có hệ thống giao thông nội bộ thuận tiện, phù hợp với công năng khu tổ hợp chế biến nông sản, đảm bảo khai thác hiệu quả quỹ đất, thuận lợi cho công tác quản lý vận hành khu tổ hợp chế biến nông sản.

- Khu hành chính, điều hành được bố trí phân tán trong các khu nhà xưởng, nhà kho đảm bảo kết nối trực tiếp với công vào chính của khu tổ hợp, điều phối được hoạt động của từng khu nhà xưởng, kho. Khối nhà văn phòng cao 3 tầng, hình thức kiến trúc hiện đại tạo điểm nhấn cho cảnh quan khu tổ hợp chế biến.

- Các khu nhà xưởng – nhà kho được bố trí theo 03 lô đất lớn, nằm phân bố đều trong khu tổ hợp, đảm bảo các mặt tiếp xúc với đường giao thông, thuận tiện cho việc vận chuyển hàng hóa vào, ra kho xưởng, tầng cao tối đa 3 tầng, không gian thoáng rộng, hình thức kiến trúc nhà xưởng hiện đại.

- Khu sân bãi được bố trí tiếp giáp với sông Vàm Cỏ Đông thuận lợi cho việc các tàu thuyền tiếp cận vận chuyển hàng hóa, nguyên liệu vào ra khu tổ hợp chế biến.

- Các công viên cây xanh được bố trí tập trung phía Tây Bắc và Đông Bắc, dọc theo ranh khu tổ hợp chế biến, xung quanh các khu kho xưởng là dải cây xanh cách ly, vừa tạo được cảnh quan cho khu tổ hợp chế biến, vừa đảm bảo cách ly với khu vực xung quanh làm giảm ô nhiễm tiếng ồn, khói bụi của dự án đến khu vực xung quanh.

- Bố trí quỹ đất dự trữ phát triển ở phía Tây Bắc khu tổ hợp.

7. Thiết kế đô thị

Nội dung thiết kế đô thị theo thuyết minh đồ án

8. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

8.1. Chuẩn bị kỹ thuật

a. San nền

- Khu vực xây dựng chọn cao độ nền xây dựng $\geq 3,10m$. Độ dốc thoát nước nền lô $i=0.4\%$.

- Cao độ nền xây dựng tại khu vực quy hoạch hiện có không tiến hành san lấp khi xây dựng các công trình, phải tiến hành san lấp cục bộ phù hợp với cao độ xung quanh, cao độ nền các công trình xây dựng phải bằng và cao hơn cao độ khống chế.

- Hướng dốc thoát nước từ trong nền các lô đất về phía hệ thống thoát nước mưa rồi thoát ra sông Vàm Cỏ Đông, rạch Tra Pang Cư.

b. Thoát nước mưa

- Giải pháp thoát nước mưa cho khu vực là thiết kế hệ thống thoát nước riêng với nước thải sinh hoạt và công nghiệp. Nước mưa trên toàn bộ bề mặt khu vực sẽ được gom về các trục giao thông chảy ra các tuyến cống trên các trục đường sau đó được xả thẳng ra các nguồn tiếp nhận sông Vàm Cỏ Đông, rạch Tra Pang Cư.

- Cống thoát nước mưa sử dụng cống tròn BTCT H10 – H30, kích thước cống tính toán theo chu kỳ tràn cống $T = 5$ năm. Kích thước cống biến đổi từ D400 mm đến D1500 mm.

- Toàn bộ khu quy hoạch được chia ra nhiều lưu vực thoát nước nhỏ để thoát ra sông Vàm Cỏ Đông, rạch Tra Pang Cư.

8.2. Giao thông

a. Đường bộ:

a1. Giao thông đối ngoại:

- Khu vực quy hoạch tiếp giáp với trục đường ĐT.796 là tuyến đường kết nối đường tỉnh ĐT.781 đi đường QL14C. Đoạn qua khu vực quy hoạch sẽ được nâng cấp thành QL14C có lộ giới 45,0m, đường cấp III, đồng bằng.

a2. Giao thông đối nội:

- Đường Số 1: là tuyến đường trục chính của khu vực quy hoạch, kết nối khu vực sân bãi ra đường tỉnh ĐT.796. Tuyến có lộ giới 33,0m, mặt cắt 1-1 (mặt đường 10,5mx2; dải phân cách 4m; vỉa hè 4mx2).

- Đường Số 2: là tuyến đường trục chính của khu vực quy hoạch, kết nối khu vực sân bãi ra đường Số 9. Tuyến có lộ giới 27,0m, mặt cắt 2-2 (mặt đường 8mx2; dải phân cách 3m; vỉa hè 4mx2).

- Đường Số 5, đường Số 6, đường Số 7, đường Số 9: Tuyến có lộ giới 14,0m, mặt cắt 3-3 (mặt đường 8m; vỉa hè 3mx2).

- Đường Số 3, đường Số 4: Tuyến có lộ giới 11,0m, mặt cắt 4-4 (mặt đường 5m; vỉa hè 3mx2).

- Đường Số 8: Tuyến có lộ giới 8,0m, mặt cắt 5-5 (mặt đường 8m).

b. Đường thủy:

- Luồng hàng trên sông Vàm Cỏ Đông: Từ Tây Ninh (cụm cảng Gò Dầu, Bến Kéo Hòa Thành...) đi Tp.HCM qua các sông: Vàm Cỏ Đông – sông Chợ Đệm – Bến Lức – Kênh Đồi – Kênh Tẻ - Cảng Sài Gòn (cho các tàu thuyền nhỏ) hay tuyến Vàm Cỏ Đông – Vàm Cỏ – Kinh Nước Mặn – Sông Cần Giuộc – sông Nhà Bè – cảng Sài Gòn (cho các tàu cỡ lớn). Cự ly vận chuyển khoảng 192km. Loại hàng vận chuyển chủ yếu gồm hàng xuất-nhập khẩu (nông lâm sản và xăng dầu...). Đối với tuyến sông Vàm Cỏ Đông có chiều rộng đáy sông 60m, độ sâu 5,5m, có chiều rộng luồng đạt tiêu chuẩn sông cấp III, độ sâu đạt tiêu chuẩn sông cấp I, độ tĩnh không các cầu qua sông đạt tiêu chuẩn cấp IV. Đảm bảo cho các phương tiện sà lan tự hành có trọng tải từ 1.000-2.000 tấn qua lại thuận lợi.

Bảng thống kê giao thông

STT	Hạng mục	Mặt	Chiều rộng (m)	Khoảng
-----	----------	-----	----------------	--------

		cắt ngang	Mặt đường	Via hè trái	Via hè phải	Phân cách	Lộ giới	lùi xây dựng
1	Đường Số 1	1-1	10.5x2	4,00	4,00	4,00	33	4
2	Đường Số 2	2-2	8.0x2	4,00	4,00	3,00	27	4-6
3	Đường Số 5	3-3	8,00	3,00	3,00	-	14	3-6
4	Đường Số 6	3-3	8,00	3,00	3,00	-	14	4
5	Đường Số 7	3-3	8,00	3,00	3,00	-	14	3-4
6	Đường Số 9	3-3	8,00	3,00	3,00	-	14	0-4
7	Đường Số 3	4-4	5,00	3,00	3,00	-	11	0-6
8	Đường Số 4	4-4	5,00	3,00	3,00	-	11	0-6
9	Đường Số 8	5-5	8,00	-	-	-	8	-

8.3. Cấp nước

a. Nguồn nước:

- Nguồn nước trong giai đoạn ngắn hạn sử dụng nguồn nước thô từ sông Vàm Cỏ Đông và được xử lý trước khi cấp cho khu vực.

- Nguồn nước trong giai đoạn dài hạn khi hệ thống đường ống cấp nước trên đường ĐT.796 được đầu tư xây dựng dẫn nước từ NMN huyện Châu Thành, nguồn cấp nước cho khu vực quy hoạch sẽ được đầu nối vào tuyến cấp nước trên đường ĐT.796 để cấp nước cho khu vực quy hoạch.

b. Quy hoạch mạng lưới cấp nước:

- Tổng nhu cầu dùng nước (làm tròn): 1.100 m³/ngđ.

- Thiết kế, xây dựng mới các tuyến ống cấp nước cung cấp cho khu quy hoạch, đảm bảo yêu cầu về lưu lượng và áp lực tới từng lô kho xưởng, công trình đầu mối và công trình công cộng. Các tuyến ống cấp nước có đường kính từ D150 đến D200.

- Hệ thống cấp nước dự kiến được thiết kế là hệ thống kết hợp cấp nước sinh hoạt và chữa cháy.

- Mạng lưới cấp nước phải kết hợp chặt chẽ với hệ thống thoát nước, cấp điện và ống ngầm khác để bố trí đường ống hợp lý và an toàn.

- Lưu lượng cấp nước chữa cháy $Q = 20$ l/s cho 1 đám cháy, số đám cháy xảy ra đồng thời là 1 đám cháy (TCVN 06 – 2020). Dựa vào hệ thống cấp nước chính của khu quy hoạch bố trí hòng lấy nước chữa cháy bằng vật liệu gang Ø100 tại các giao lộ và dọc tuyến ống với khoảng cách 150m. Ngoài ra khi có sự cố cháy cần bổ sung thêm nguồn nước mặt từ hệ thống sông Vàm Cỏ Đông để chữa cháy.

8.4. Cấp điện

a. Nguồn điện:

- Nguồn cấp điện của khu quy hoạch được đầu vào nguồn điện Quốc gia, trạm 110KV Suối Dộp.

- Điểm đầu nối chính cho khu quy hoạch là tuyến đường điện 22kv trên trục đường ĐT.796.

- Từ tuyến điện 22kv trên đường ĐT.796 sẽ đầu nối vào dự án bằng tuyến 22kv đi nổi trên trụ điện BTLT 14 m dọc bên đường giao thông, bố trí tại phần đất cây xanh 2 bên đường để cấp cho từng khu xưởng.

b. Lưới điện:

b1. Lưới điện trung thế 22kV:

- Dự kiến có các phát tuyến 22kV cấp điện cho khu vực khu tổ hợp chế biến nông sản, mỗi phát tuyến dùng cáp nhôm (A) hoặc nhôm lõi thép (AC), tiết diện 185/240mm² cho trục chính và nhánh rẽ có tiết diện 120/95mm².

- Các tuyến trung thế đi trên trụ bê tông ly tâm cao 14 mét. Khoảng cách trụ trung bình là 60 mét.

- Các tuyến được xây dựng thành mạch vòng qua các máy cắt phụ tải thường mở, nhằm tăng độ an toàn và tin cậy trong cung cấp điện.

- b2. Trạm hạ thế và đèn đường chiếu sáng:

- Các tuyến 0,4kv xây dựng mới dùng cáp nhôm vặn xoắn, đi trên trụ bê tông hạ thế cao 8,5m, hoặc đi chung với trụ trung thế.

- Trong khu vực quy hoạch đặt các vị trí trạm hạ thế dùng để cấp điện hạ thế 380/220V cho đèn đường, tất cả đều là trạm treo trên trụ, ngoài trời.

- Tuyến đèn đường được đi nổi chung với trụ điện hạ thế. Đèn đường là loại đèn LED tiết kiệm năng lượng, cách khoảng trung bình 30 mét đến 40 mét dọc theo đường, bố trí trên phần cây xanh 2 bên đường.

- Đối với mặt đường rộng từ 12 mét trở xuống, đèn đặt một bên đường.

- Đối với mặt đường rộng trên 12 mét, đèn đặt hai bên đường.

- Các trạm hạ thế tiêu thụ điện các đơn vị sẽ tự đầu tư trong phạm vi lô đất khi có nhu cầu.

8.5. Thông tin liên lạc

a. Nguồn thông tin liên lạc:

- Từ tổng đài của các nhà cung cấp viễn thông sẽ có các tuyến cáp quang (kết hợp cáp đồng) đưa tới khu quy hoạch từ đây sẽ đưa tới các bộ chuyển đổi quang để cho ra các tuyến cáp đồng hoặc cáp quang.

- Mạng cáp thông tin nội bộ sẽ được đấu nối tới các tủ cáp của từng khu vực kho xưởng, công trình dịch vụ tùy theo nhu cầu sử dụng mà dùng các loại cáp có dung lượng khác nhau (tương ứng với dung lượng của các tủ cáp).

b. Giải pháp thiết kế:

- Đầu tư xây dựng mới một hệ thống viễn thông hoàn chỉnh, có khả năng kết nối đồng bộ với mạng viễn thông quốc gia và quốc tế.

- Hệ thống thông tin trong khu quy hoạch là hệ thống công bề đi ngầm, còn hệ thống cáp thông tin, hệ thống cột ăng ten trong khu quy hoạch dự kiến sẽ được đầu tư bởi các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông.

- Các tuyến cáp quang và cáp đồng sẽ được đi ngầm đến chân các công trình thông qua tuyến cáp bề ngầm.

8.6. Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang

a. Hệ thống thoát nước thải:

a1. Dự báo lượng nước thải:

- Tổng lưu lượng nước thải khu vực là : 750,00 m³/ngđ.

a2. Công trình đầu nối:

- Xây dựng khu xử lý nước thải tập trung cho khu vực.

- Công suất trạm xử lý nước thải Q=900 m³/ngđ.

a3. Mạng lưới thoát nước:

- Xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng biệt với nước mưa.

- Xây dựng hệ thống thoát nước trong từng kho xưởng và công trình công cộng.

- Xây dựng hệ thống thu gom nước thải từ các công trình đưa ra để đưa nước thải tập trung về nhà máy xử lý.

- Các tuyến cống thu gom nước thải được bố trí dọc theo các tuyến đường giao thông.

- Hệ thống thoát nước thải được bố trí theo 1 hoặc hai bên các tuyến đường tại các vị trí có bố trí kho xưởng và công trình phát sinh nước thải, cống thoát nước nằm trong phần cây xanh bên đường.

- Tất cả nước thải trong các kho xưởng, công trình công cộng trước khi thải vào hệ thống thoát nước của khu vực phải được xử lý cục bộ đạt loại B theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 40: 2011/BTNMT, sau đó đưa nước thải ra mạng lưới thu gom dẫn về trạm xử lý chung và được xử lý đạt loại A theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 40: 2011/BTNMT, nước thải sau trạm xử lý được đưa vào hồ sinh thái, trước khi thải ra môi trường bên ngoài.

- Tại các công trình nước thải sinh hoạt được đưa qua bể tự hoại trước khi đưa ra hệ thống thu gom.

b. Quản lý chất thải rắn:

- Lượng rác thải trung bình mỗi ngày khoảng 5,0 tấn/ngđ, tiêu chuẩn chung bình 0,3 tấn/1 ha đất xây dựng kho xưởng.

- Chất thải rắn sinh hoạt: Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại tại nguồn, có một đội công nhân chuyên thực hiện công tác thu gom hàng ngày trong từng kho xưởng, nhà máy về khu tập kết bố trí trong khu vực.

- Chất thải nguy hại: các kho xưởng, nhà máy lưu giữ, phân loại tại nguồn và thuê đơn vị chức năng thu gom xử lý đúng theo quy định.

- Chất thải rắn được vận chuyển đến khu xử lý chất thải rắn tập trung.

9. Đánh giá môi trường chiến lược.

Nội dung đánh giá môi trường chiến lược theo thuyết minh đồ án

10. Quy định quản lý theo đồ án

Nội dung quy định quản lý theo thuyết minh đồ án

11. Phân kỳ đầu tư

Chuẩn bị đầu tư: Quý 4/2021 – Quý 01/2022

Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động:

+ Nhà máy sản xuất nước mía và các thức uống từ nông sản:

▪ Giai đoạn 1 (50% công suất): Quý 02/2022 – Quý 04/2023

▪ Giai đoạn 2 (50% công suất còn lại): Quý 01/2024 – Quý 04/2024

+ Xây dựng Kho: Quý 01/2023 – Quý 02/2024

+ Nhà máy sản xuất bao bì: Quý 01/2023 – Quý 02/2024

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, giao Công ty Cổ phần Biên Hòa – Thành Công:

- Tổ chức công bố đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Tổ hợp chế biến nông sản Thành Thành Công – Biên Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Tổ chức triển khai cắm mốc giới xây dựng ngoài thực địa.

- Lập dự án đầu tư và triển khai xây dựng hạ tầng kỹ thuật, xây dựng các mục công trình theo quy hoạch chi tiết được duyệt.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Chủ tịch UBND xã Thành Long, Trưởng phòng các phòng, ban của huyện; Giám đốc Công ty Cổ phần Biên Hòa – Thành Công và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như Điều 3;

- Lưu VT, PKT&HT



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đỗ Thành Trung



